

Hạch toán Thu nhập Quốc dân

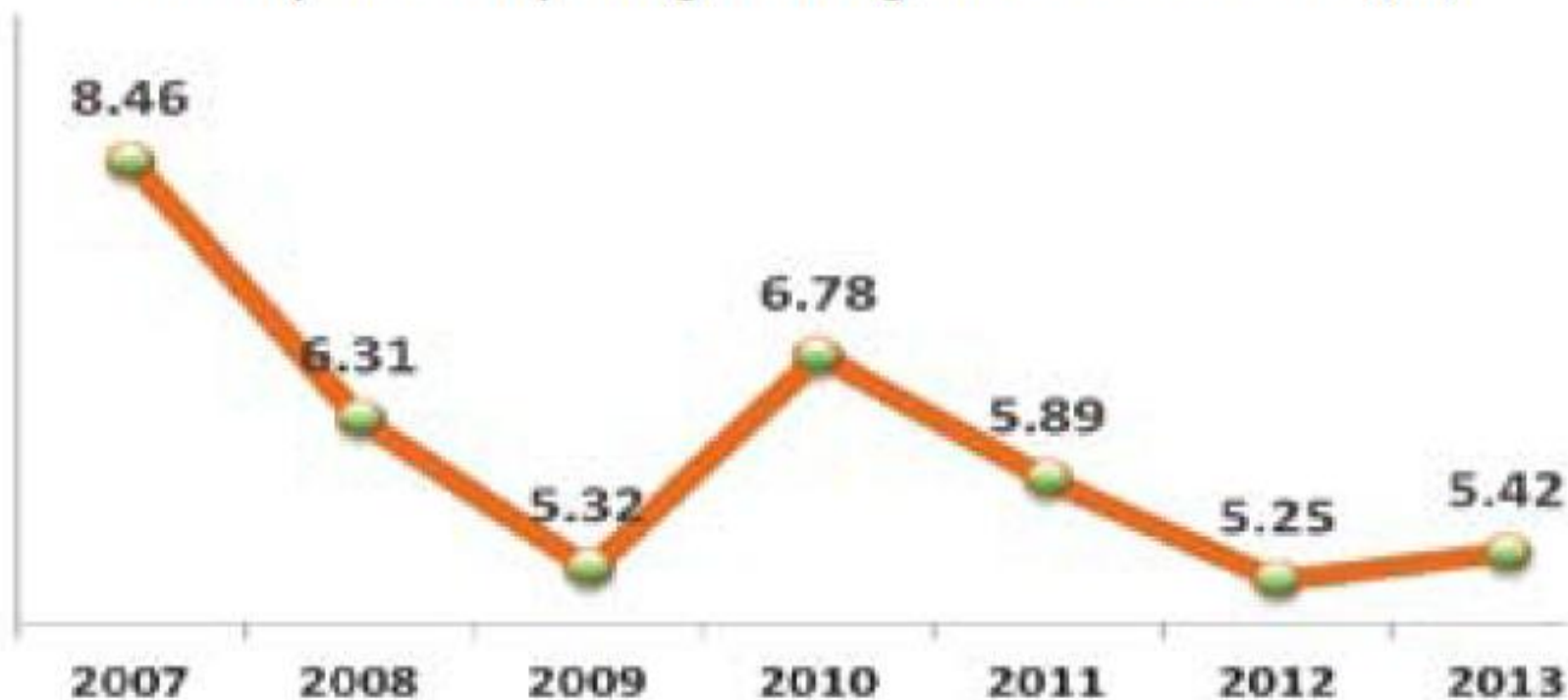
2014

$$\text{GDP} = C + I + G + (X - M)$$

The diagram illustrates the components of the GDP equation. Lines connect the following labels to their corresponding variables in the equation:

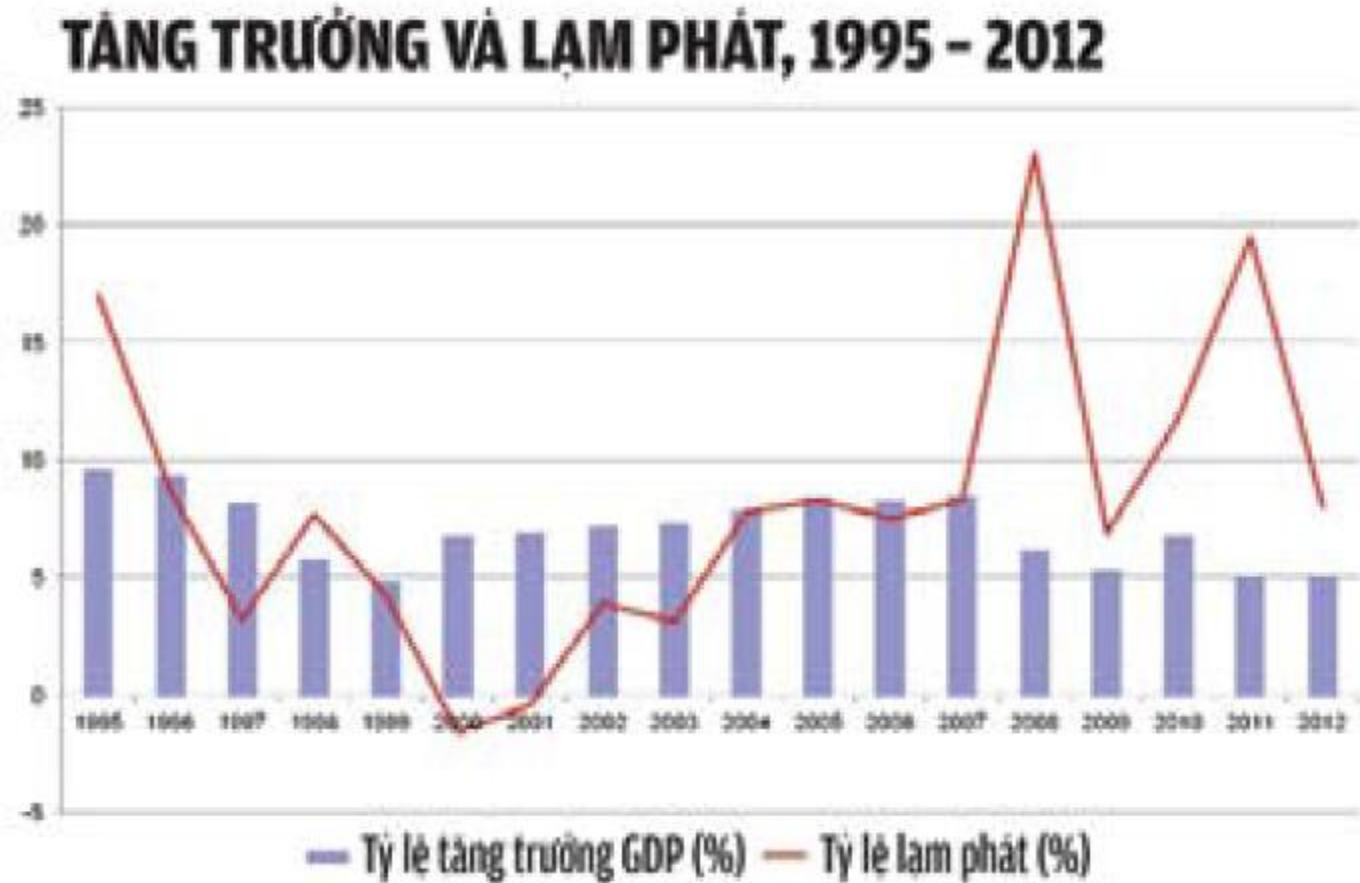
- consumption to C
- investment to I
- government expenditure to G
- exports to X
- imports to M
- net exports to $(X - M)$

Đồ thị 2. Tốc độ tăng trưởng GDP 2007-2013 (%)



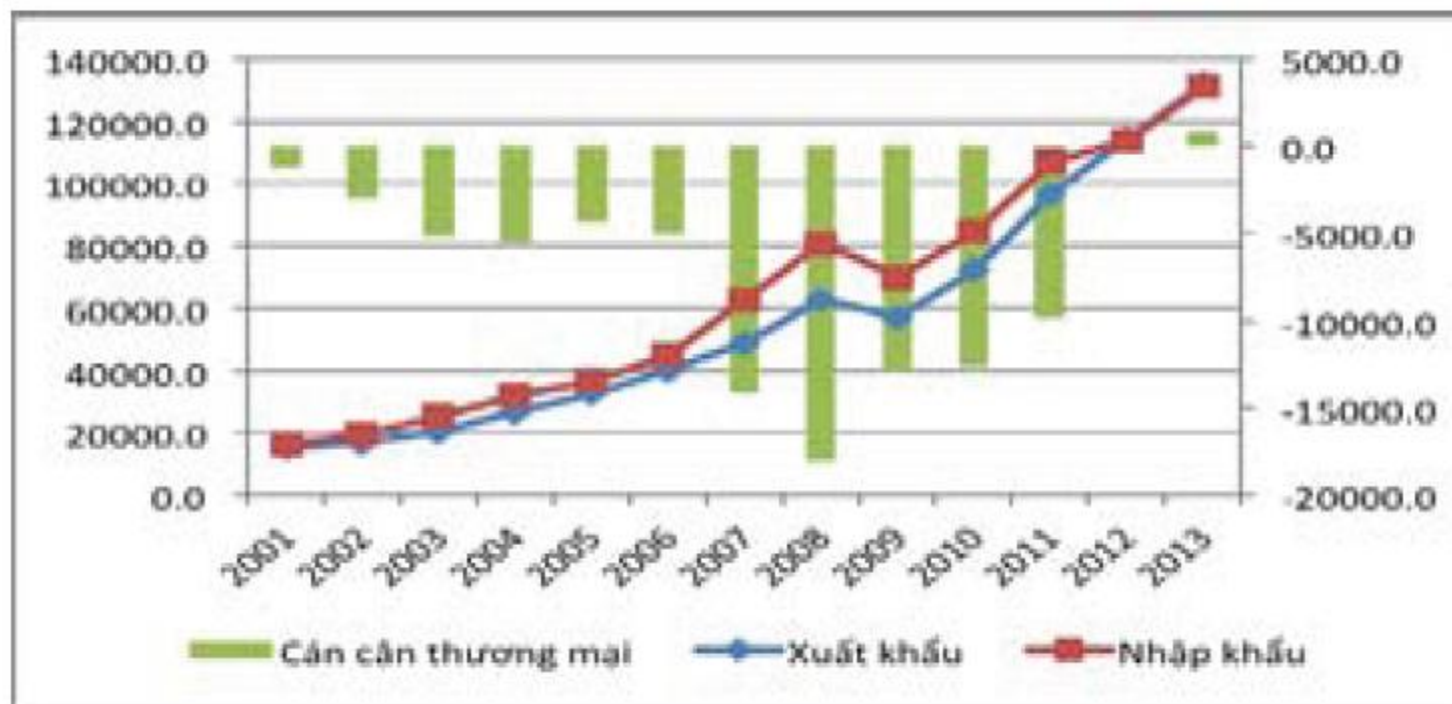
Báo cáo kinh tế vĩ mô (UBKTQH 2014)

Đồ thị 8. Lạm phát tăng vọt bất thường - liệu nền kinh tế có phải trả giá?



Báo cáo kinh tế vĩ mô (UBKTQH 2014)

Hình 5. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu giai đoạn 2001-2013 (triệu USD)



Nguồn: GSO.

Báo cáo kinh tế vĩ mô (UBKTQH 2014)

Nội dung

1. Sản lượng quốc gia - tâm điểm KTH vĩ mô?
2. Sản lượng quốc gia - đo lường?
3. Mức giá chung và tỷ lệ lạm phát – đo lường?
4. Trao đổi sản lượng giữa các nước - ý nghĩa?
5. Của cải và sản lượng – yếu tố nào quan trọng hơn?

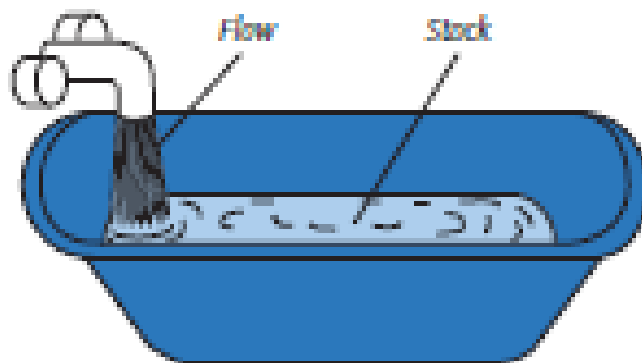
Sản lượng quốc gia - tâm điểm của kinh tế học vĩ mô

- A và B với 2 kịch bản cho vay 10 con bò (10%)
 - Kịch bản nào xảy ra trong đời thực?
- Sản phẩm và dịch vụ (Goods & Services)
- Mức sống
- Giá trị thực và danh nghĩa

Tài khoản quốc gia

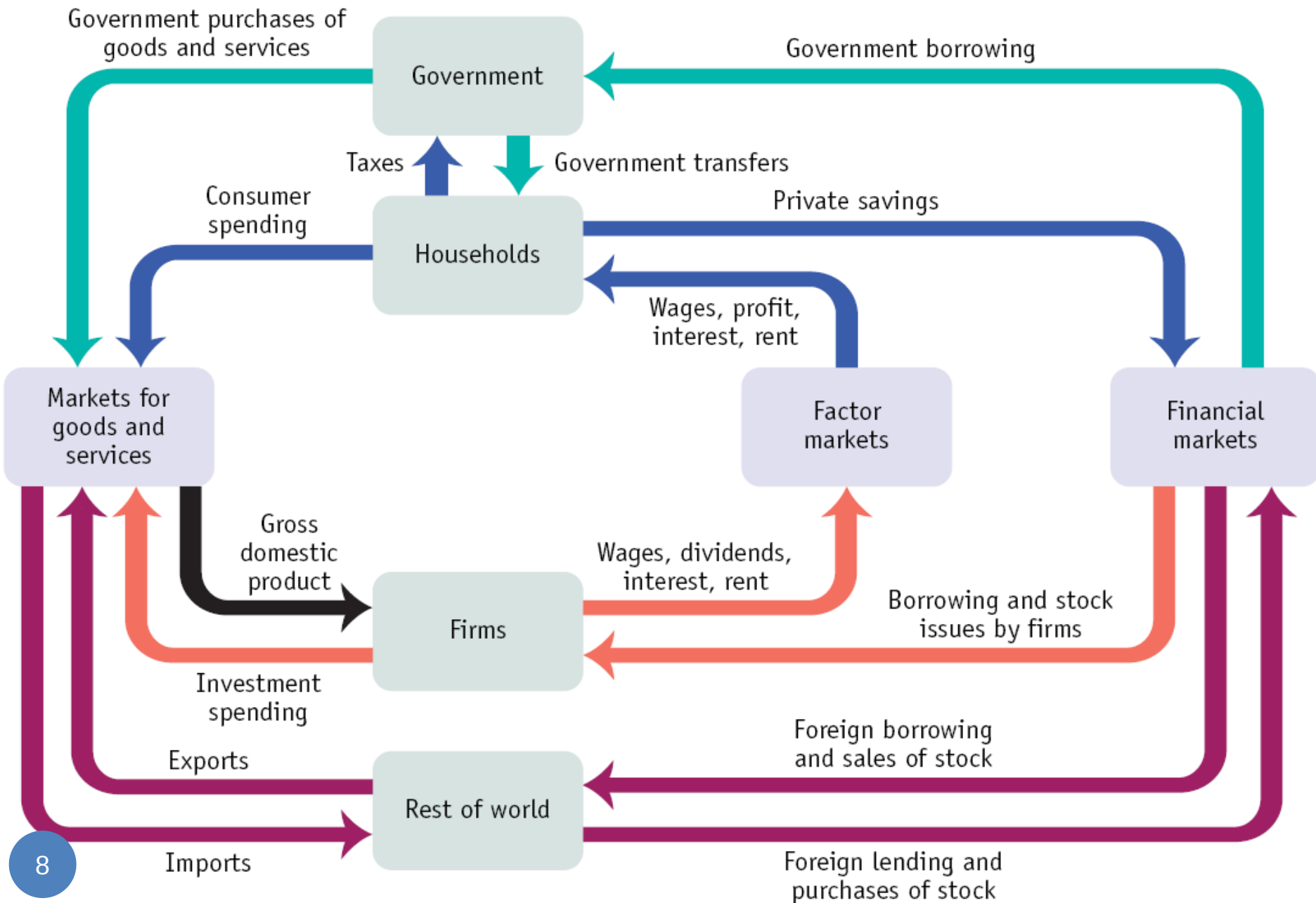
-The National Accounts

- Kết quả hoạt động kinh tế theo một bộ số liệu – Hạch toán sản xuất/thu nhập quốc dân.
- **Dòng tiền** – flows of money, giữa các bộ phận khác nhau của nền kinh tế.
 - Trữ lượng (Stock) và lưu lượng (Flow)?
 - Các bộ phận của nền kinh tế?
 - Các khu vực (G, H, F, ROW)
 - Các thị trường



- A person's wealth is a stock; his income and expenditure are flows.
- The number of unemployed people is a stock; the number of people losing their jobs is a flow.
- The amount of capital in the economy is a stock; the amount of investment is a flow.
- The government debt is a stock; the government budget deficit is a flow.

Sơ đồ vòng chu chuyển – Các dòng tiền trong nền kinh tế



Mua hàng hoá và dịch vụ
của chính phủ = 150\$

Vay mượn của chính phủ = 60\$

Chính phủ

Thuế = 100\$

Chuyển giao của chính phủ = 10\$

Hộ gia đình

Tiết kiệm tư nhân = 200\$

Chi tiêu tiêu
dùng = 510\$

Tiền lương, lợi
nhuận, lãi vay,
tiền thuê = 800\$

Thị trường hàng
hoá dịch vụ

Thị trường các
yếu tố sản xuất

Thị trường
tài chính

Tổng sản phẩm
nội địa

Doanh nghiệp

Tiền lương, lợi
nhuận, lãi vay,
tiền thuê = 800\$

Doanh nghiệp
vay mượn và
phát hành cổ
phiếu = 110\$

Chi đầu tư = 110\$
Xuất khẩu = 50\$

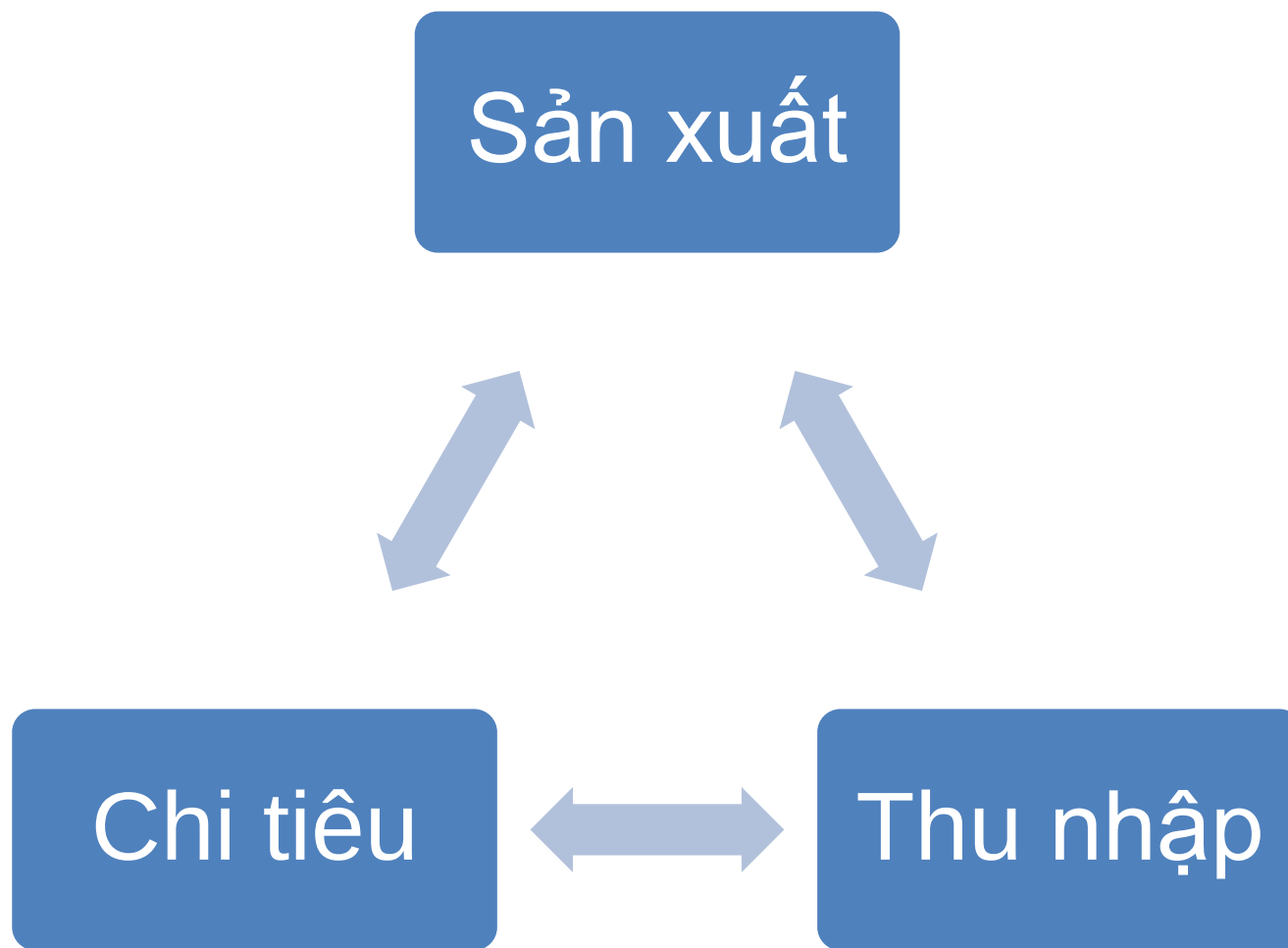
Phần còn lại
của thế giới

Vay mượn và
bán cổ phiếu của nước ngoài = 100\$

Nhập khẩu = 20\$

Cho vay
và mua cổ phiếu của nước ngoài = 130\$

Mối quan hệ



GDP và đo lường

- GDP (Gross Domestic Product)?

- Giá trị thị trường của toàn bộ sản phẩm và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia trong khoảng thời gian nhất định (1 năm).
- Công thức đơn giản

$$GDP = \sum_{i=1}^n V_i = \sum_{i=1}^n P_i \cdot Q_i$$

- Tại sao chúng ta quan tâm?

- Vì GDP liên quan đến mức sống, thu nhập, việc làm, lạm phát, ngân sách, cán cân thương mại...

Ba phương pháp tính GDP

- Từ quan hệ: Sản xuất – Thu nhập – Chi tiêu, suy ra 3 phương pháp tính GDP:
 - Giá trị gia tăng
 - Thu nhập
 - Chi tiêu
- **Giá trị gia tăng:** Cộng giá trị gia tăng (*value added*) của tất cả các nhà sản xuất;
- **Thu nhập:** Cộng tất cả thu nhập trả cho các yếu tố sản xuất (Lương, lợi nhuận, lãi, tiền cho thuê...)
- **Chi tiêu:** Cộng tất cả chi tiêu vào HH&DV cuối cùng được sản xuất trong nước,

$$\blacksquare \text{ GDP} = \text{C} + \text{I} + \text{G} + \text{EX} - \text{IM}$$

Ba phương pháp đo lường GDP

Total spending on domestically produced final goods and services = \$21,500

	American Ore, Inc.	American Steel, Inc.	American Motors, Inc.	Total factor income
Value of sales	\$4,200 (ore)	\$9,000 (steel)	\$21,500 (car)	
Intermediate goods	0	4,200 (iron ore)	9,000 (steel)	
Wages	2,000	3,700	10,000	\$15,700
Interest payments	1,000	600	1,000	2,600
Rent	200	300	500	1,000
Profit	1,000	200	1,000	2,200
Total expenditure by firm	4,200	9,000	21,500	
Value added per firm	4,200	4,800	12,500	
=				
Value of sales – cost of intermediate goods				

Total payments to factors = \$21,500

Sum of value added = \$21,500

Đo lường GDP

Bao gồm

- HH&DV cuối cùng được sản xuất trong nước
- Bao gồm cả HH vốn (capital goods)
- Cơ sở hạ tầng xây dựng mới (New construction of structures)
- Thay đổi tồn kho (Changes to inventories)

Không bao gồm

- HH&DV trung gian hay nhập lượng (Intermediate goods and services/Inputs)
- Hàng đã qua sử dụng (Used goods)
- Tài sản tài chính (Financial assets: stocks, bonds ..)
- HH&DV sản xuất ở nước ngoài (Foreign-produced goods and services)
- Ngoài ra, các giao dịch không liên quan đến sản xuất HH&DV mới:
 - Chuyển nhượng và phúc lợi của chính phủ
 - Capital losses and gains

Các đo lường khác

- **GNP = GNI**

- $GNI = GDP + \text{Thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài}$
- $\text{Thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài} = \text{NFP hay NIA}$

- Các chữ viết tắt từ:

- GNP: Gross National Product
- GNI: Gross National Income
- NFP: Net Factor Payments from abroad
- NIA: Net Income from abroad

GDP theo phương pháp chi tiêu

TABLE 2-1

GDP and the Components of Expenditure: 2010

	Total (billions of dollars)	Per Person (dollars)
Gross Domestic Product	14,527	47,050
Consumption	10,246	33,184
Nondurable goods	2,302	7,454
Durable goods	1,086	3,516
Services	6,839	22,214
Investment	1,795	5,814
Nonresidential fixed investment	1,390	4,502
Residential fixed investment	338	1,095
Inventory investment	67	217
Government Purchases	3,003	9,726
Federal	1,223	3,961
Defense	819	2,653
Nondefense	404	1,307
State and Local	1,780	5,765
Net Exports	-517	-1,674
Exports	1,840	5,959
Imports	2,357	7,633

Source: U.S. Department of Commerce.

6. Tỷ trọng thành phần GDP theo phương pháp chi tiêu của Việt Nam được liệt kê ở bảng sau (nguồn: TCTK 2010 và 2011e)

	2005	2008	2009	2010 (sơ bộ)
TỔNG SỐ	100	100	100	100
Tổng tích lũy tài sản	35,58	39,1	38,13	38,88
Tổng tài sản cố định	32,87	34,61	34,52	35,56
Thay đổi tồn kho	2,71	5,10	3,61	3,32
Tiêu dùng cuối cùng	69,68	73,53	72,77	73,04
Nhà nước	6,15	6,12	6,30	6,53
Cá nhân	63,53	67,4	66,47	66,51
Xuất khẩu ròng hàng hóa và dịch vụ	- 4,18	- 15,21	- 10,35	- 10,05
Sai số	- 1,08	1,97	- 0,55	- 1,88

Nhận xét về quan hệ thu nhập và chi tiêu nội địa của Việt Nam?

GDP danh nghĩa và thực

- ***GDP thực (Real GDP)***: giá trị HH&DV cuối cùng sản xuất ra, căn cứ vào giá của năm cơ sở-base year.
- ***GDP danh nghĩa (Nominal GDP)***: dựa vào giá và lượng năm hiện hành.
- Ngoại trừ năm cơ sở, GDP thực không giống GDP danh nghĩa (theo giá hiện hành-current prices).
- ***GDP thực bình quân đầu người - Real GDP per capita***: đo lường sản lượng bình quân đầu người.

Mức giá chung

- Mức giá chung hay chỉ số giá P (Price Index)
- Hai loại chỉ số giá thường dùng:
 - Chỉ số giá tiêu dùng CPI (**Consumer Price Index**) (loại chỉ số Laspeyres)
 - Chỉ số khử lạm phát GDP hay **GDP deflator** (loại chỉ số Paasche)

$$\text{GDP Deflator} = \frac{\text{Nominal GDP}}{\text{Real GDP}}$$

CPI và GDP deflator – 3 khác biệt cơ bản

- CPI
 - Giá của HH&DV thiết yếu cơ bản
 - Dựa vào rổ hàng năm gốc
 - Bao gồm biến động giá của nhóm hàng nhập khẩu thuộc rổ hàng thiết yếu được chọn
- GDP deflator
 - Giá của toàn bộ HH&DV sản xuất ra trong GDP
 - Dựa vào rổ hàng năm hiện hành
 - Không bao gồm biến động giá của nhóm hàng nhập khẩu

Tỷ lệ lạm phát

- **Tỷ lệ lạm phát (Inflation Rate)** là phần trăm gia tăng mức giá chung ($\% \Delta P$)
- Phân biệt
 - Lạm phát (Inflation)
 - Giảm phát (Deflation)
 - Giảm lạm phát (Disinflation)
- Tỷ lệ lạm phát có thể tính từ
 - CPI
 - GDP deflator

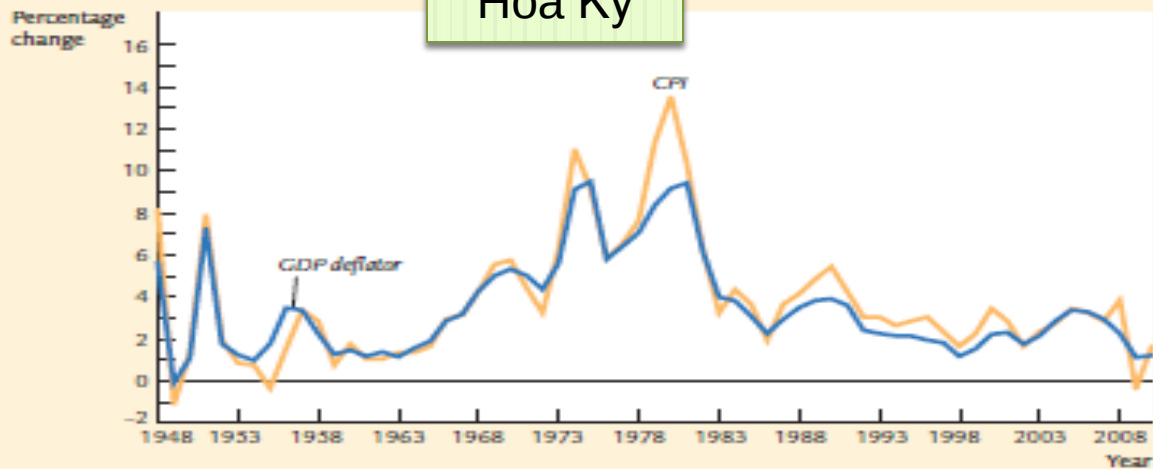
Vietnam Inflation Rate



Source: EIU

FIGURE 2-3

Hoa Kỳ

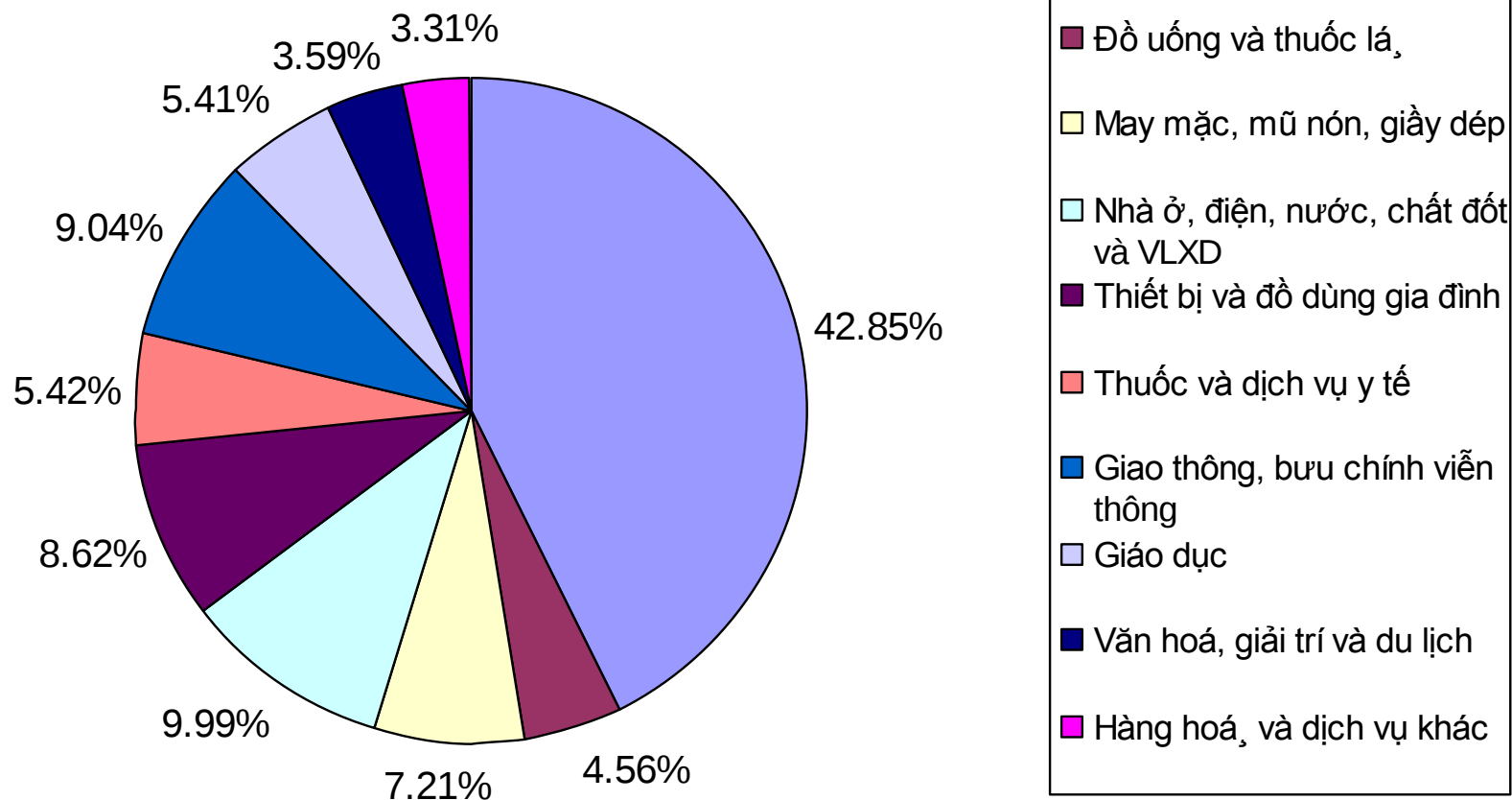


The GDP Deflator and the CPI This figure shows the percentage change in the GDP deflator and in the CPI for every year from 1948 to 2010. Although these two measures of prices diverge at times, they usually tell the same story about how quickly prices are rising. Both the CPI and the GDP deflator show that prices rose slowly in most of the 1950s and 1960s, that they rose much more quickly in the 1970s, and that they have risen slowly again since the mid-1980s.

Source: U.S. Department of Commerce, U.S. Department of Labor.

CPI Việt Nam (2006 – 2010)

Quyền số dùng tính chỉ số giá tiêu dùng thời kỳ 2006-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê, <http://www.gso.gov.vn>

Khu vực sản xuất

Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

- $GDP = C + I + G + EX - IM$

Tổng thu nhập quốc dân (GNP hay GNI)

- $GNI = GDP + NFP$
- NFP: Net Factor Payments from Abroad

Tổng thu nhập khả dụng quốc gia (GNDI)

- $GNDI = GNI + NTR$
- NTR: Net Transfers from abroad

Tổng chi tiêu trong nước (Domestic Absorption)

- $A = C + I + G$

Cán cân vãng lai (Current Account)

- $CA = EX - IM + NFP + NTR$

Cán cân thương mại (Trade Balance, Net Exports)

- $TB = NX = EX - IM$

Khu vực sản xuất

- Đặt $Y = GDP = C + I + G + EX - IM$ (1)
- Và $(Y - T) = C + Sp \Rightarrow Y = C + Sp + T$ (2)

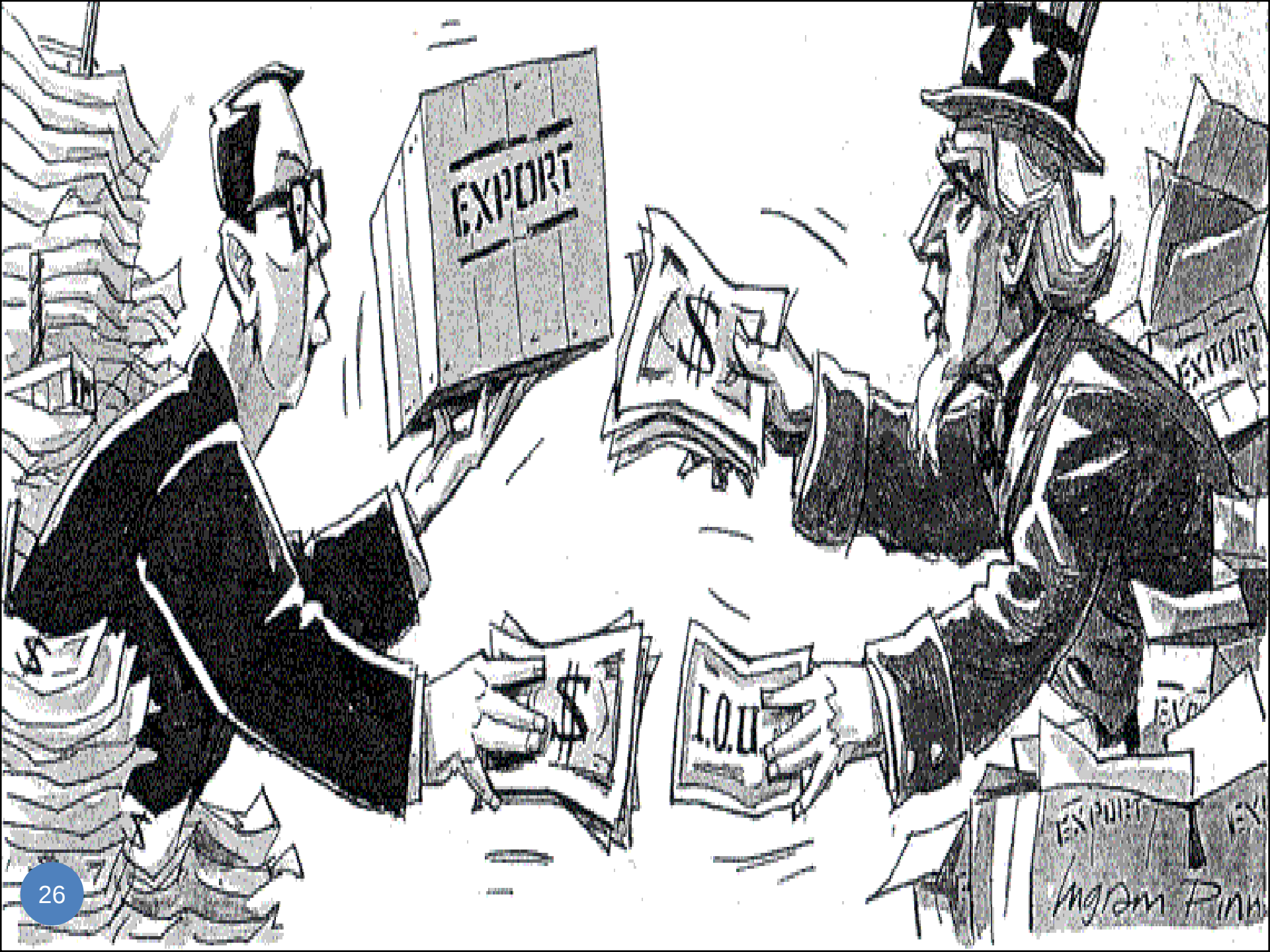
(1) và (2) $\Rightarrow$

- $(I + G + EX) = (Sp + T + IM)$
- $(Sp - I) + (T - G) = (EX - IM)$
- $I = Sp + (T - G) + (IM - EX) = Sp + Sg + Sf$

Đến đây ta cũng có ít nhất 3 cách viết về TB (hay NX), đó là gì? Và ý nghĩa kinh tế?

Trao đổi sản lượng giữa các quốc gia - ý nghĩa kinh tế

- Nền kinh tế mở:
 - Thu nhập $Y = C + I + G + EX - IM$
 - Chi tiêu nội địa $A = C + I + G$
- Ví dụ:
 - Thu nhập $<$ Chi tiêu $\Rightarrow ?$
 - Tài trợ?
 - Tài trợ ngắn hạn và dài hạn?
 - Thu nhập $<$ Chi tiêu $\Rightarrow$ luôn luôn xấu?
 - Một cách hỏi khác: thâm hụt CA hay TB là luôn xấu?



Của cải và sản lượng – yếu tố nào quan trọng hơn?

- Của cải = Tiền + Tài sản khác
- Sản lượng = Sản phẩm và dịch vụ
- Giá tài sản (tài chính+BĐS) và Hiệu ứng của cải?
- Vay và cho vay: Mong muốn gì?
 - Cá nhân
 - Quốc gia
- Kết luận: Sản lượng! (**GDP**)

Tuy nhiên, GDP không đo lường

- Hoạt động phi thị trường (tự cung tự cấp, chợ đen...)
- Chất lượng môi trường, tàn phá tài nguyên
- Tuổi thọ và sức khỏe
- Phân phối thu nhập
- Tội phạm...

GDP

“Tổng sản phẩm nội địa không tính đến sức khỏe của con cái chúng ta, chất lượng giáo dục mà chúng nhận được, hay niềm vui của chúng khi vui chơi. Nó không bao gồm vẻ đẹp của thơ ca hay sự bền vững của các cuộc hôn nhân, sự thông minh trong những cuộc tranh luận công khai hay sự liêm chính của các quan chức. Nó không đo lường lòng can đảm và sự thông thái của chúng ta, mà cũng không đo lường sự cống hiến của chúng ta cho đất nước. Nói một cách ngắn gọn, nó đo lường tất cả mọi thứ, ngoại trừ những thứ làm cho cuộc sống đáng giá hơn, và nó có thể cho chúng ta biết tất cả mọi thứ về nước Mỹ ngoại trừ lý do tại sao chúng ta lại tự hào rằng mình là người Mỹ”.

Robert Kennedy